

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29 – 01 – 2021  
V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 544/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp H, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Hứa Anh T, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp H, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Chí N, thể hiện:*

Anh N và chị Hứa Anh T chung sống với nhau vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, anh N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung tên Hứa Nguyễn Khánh Tr, sinh năm 2019 do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh N đồng ý giao

Khánh Trâm cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và các vấn đề khác: Anh N xác định không có.

\* *Đối với chị Hứa Anh T*: Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của anh N nhưng chị T không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Chí N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hứa Anh T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Anh N và chị T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/3/2019. Theo anh N, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, anh N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị T. Chị T không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh N.

Xét yêu cầu của anh N, thấy rằng: Anh N yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh N ly hôn với chị T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự có 01 người con chung tên Hứa Nguyễn Khánh Tr, sinh năm 2019. Khi ly hôn, anh N đồng ý giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Khánh Tr cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N xác định tự thỏa thuận với chị T trong khi chị T không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Anh N xác định không có, chị T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí N.

1.1. Về hôn nhân: Cho anh N được ly hôn với chị Hứa Anh T.

1.2. Về con chung: Giao Hứa Nguyễn Khánh Tr, sinh năm 2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011524 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh N đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**